TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 08 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hậu
Ông Trần Đình Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Minh Hường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2025/TLST- HNGĐ ngày 11/2/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1990. (có mặt)
CCCD số: 0081900**** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2023
Nơi cư trú: T16, khu phố LC, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980. (vắng mặt)
CCCD số: 03608001**** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/3/2021
Nơi cư trú: T 1*, khu phố L, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày

10/11/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quan điểm, cách sống có nhiều điểm trái ngược, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên có nhiều mâu thuẫn. Gia đình chồng xem thường gia đình bà, can thiệp nhiều vào cuộc sống, sinh hoạt của vợ chồng bà. Ông Đ không có chính kiến, nhu nhược, không quan tâm, không tôn trọng vợ. Vợ chồng hiện đang sống chung nhà nhưng 07 năm nay không sinh hoạt vợ chồng, không cơm nước chung, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà xin tòa án cho được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 20/06/2009 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/8/2018. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi cháu Nguyễn Minh P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Nguyễn Minh N cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị H khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, đang cư trú tại khu phố L, phường H, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự:

Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu vào ngày 10/11/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H khai vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Gia đình chồng và gia đình bà có nhiều bất đồng. Gia đình chồng xem thường gia đình bà, can thiệp nhiều vào cuộc sống, sinh hoạt của vợ chồng bà. Ông Đ không có chính kiến, nhu nhược, không quan tâm đến vợ, không tôn trọng vợ. Vợ chồng đã ly thân 07 năm nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên xin tòa cho bà được ly hôn với ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Đ không đến toà làm việc. Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng ông Đ không có văn bản ý kiến phản hồi. Điều này thể hiện việc ông Đ không những không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông Đ, bà H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 20/06/2009 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/8/2018. Bà H xin được nuôi cháu Nguyễn Minh P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Nguyễn Minh N cho ông Đại trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai cấp dưỡng nuôi con.

Toà án đã thông báo thụ lý vụ án cho ông Đ nhưng ông không có ý kiến về việc bà H xin nuôi cháu P, giao cháu N cho ông. Xét thấy, ông Đ bà H đều có công việc, có thu nhập ổn định. Nên giao cho ông Đ, bà H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con để ông bà có điều kiện tốt nhất chăm sóc giáo dục con. Bà H xin nuôi cháu P, giao cháu N cho ông Đ nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu N. Do đó, có cơ

sở để chấp nhận yêu cầu của bà H. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày: 04/08/2018 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 20/6/2009 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai cấp dưỡng nuôi con

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002596 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh). Bà Hiền đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp.HCM;
- VKSND tp.HCM;
- VKSND kv 12;
- Phòng THADS kv12;
- UBND phường TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thảo Nguyên